

**PHƯƠNG PHÁP TÍNH THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT ĐỐI VỚI BIA:
KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT
VIỆT NAM VÌ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

TRẦN THỊ NGỌC HÂN*

LÊ KHÁNH NGỌC**

Ngày nhận bài: 18/5/2026

Ngày phản biện: 03/6/2026

Ngày đăng bài: 25/8/2026

Tóm tắt:

Bài viết phân tích những bất cập của phương pháp tính thuế tiêu thụ đặc biệt theo tỷ lệ phần trăm (thuế tương đối) đối với bia tại Việt Nam trong bối cảnh thực hiện mục tiêu phát triển nhanh, bền vững của đất nước. Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích, so sánh pháp luật để đánh giá phương pháp tính thuế hiện hành và xem xét kinh nghiệm từ Philippines và Thái Lan. Kết quả nghiên cứu cho thấy, phương pháp tính thuế tương đối chưa phản ánh đầy đủ mức độ ngoại ứng tiêu cực của bia, làm giảm hiệu quả điều tiết hành vi, chưa tạo động lực chuyển dịch sang các sản phẩm nồng độ cồn thấp. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất lộ trình chuyển đổi phương pháp tính thuế theo ba giai đoạn: thuế tỷ lệ phân tầng theo nồng độ cồn, thuế hỗn hợp và thuế tuyệt đối. Đồng thời, làm rõ mối quan hệ giữa phương pháp tính thuế tiêu thụ đặc biệt và mục tiêu phát triển bền vững trong quá trình hoàn thiện pháp luật thuế tại Việt Nam.

Abstract:

This article examines the shortcomings of the current ad valorem excise tax structure applied to beer in Vietnam in the context of the country's pursuit of rapid and sustainable development. The study employs legal analysis and comparative legal research to evaluate the existing excise tax structure and to examine the reform experiences of the Philippines and Thailand. The findings indicate that the current ad valorem excise tax does not adequately internalize the negative externalities associated with beer consumption, thereby limiting its ability to influence consumption behavior and providing insufficient incentives for producers and consumers to shift toward lower-alcohol beer products. Based on these findings, the article proposes a three-stage roadmap for reforming Vietnam's excise tax structure on beer, comprising a tiered ad valorem excise tax based on alcohol content, a mixed excise tax, and ultimately a specific excise tax. The study also clarifies

* ThS., Giảng viên Khoa Luật, Đại học Cần Thơ; Nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh; Email: ngochan@ctu.edu.vn

** Khoa Luật, Đại học Cần Thơ; Email: lekhanhngoc.work@gmail.com

the relationship between excise tax structure and sustainable development objectives, thereby contributing to the ongoing improvement of Vietnam's excise tax legislation.

Từ khóa:

Bia, thuế tiêu thụ đặc biệt, phương pháp tính thuế.

Keywords:

Beer, excise tax, excise tax structure.

1. Đặt vấn đề

Nền kinh tế Việt Nam đang đứng trước yêu cầu bứt phá mạnh mẽ nhằm hiện thực hóa mục tiêu phấn đấu đạt mức tăng trưởng kinh tế hai con số. Để thực hiện mục tiêu này, một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ Đại hội XIV của Đảng Cộng sản Việt Nam là: “Tập trung ưu tiên xây dựng đồng bộ thể chế phát triển, trọng tâm là hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách nhằm tháo gỡ kịp thời, dứt điểm các nút thắt, điểm nghẽn, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, bảo đảm sự đồng bộ, hài hòa giữa tăng trưởng và phát triển; giữa kinh tế, xã hội, môi trường với quốc phòng, an ninh, đối ngoại; giữa đổi mới, hoàn thiện thể chế với các chuyển đổi trọng tâm, toàn diện trên mọi lĩnh vực, phù hợp với mô hình chính quyền 3 cấp, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững đất nước trong kỷ nguyên mới”¹. Sự phát triển này tuy nhanh nhưng phải bền vững.

Đặt định hướng trên vào bối cảnh thực tiễn của ngành đồ uống có cồn thì ngành bia là một trong những lĩnh vực có đóng góp không nhỏ vào ngân sách nhà nước, ước tính đạt hơn 60 nghìn tỷ đồng mỗi năm, luôn đứng ở vị trí đóng góp ngân sách nhất nhì ở địa phương cùng với đó tạo công ăn việc làm cho hàng triệu lao động². Về sức khỏe cộng đồng, Việt Nam đang là quốc gia thuộc nhóm uống bia nhiều nhất thế giới³ dẫn đến những hệ lụy vô cùng nghiêm trọng. Cụ thể, việc lạm dụng bia góp phần gây ra khoảng 40.000 ca tử vong mỗi năm ở Việt Nam⁴, gần 20% số ca tử vong do tai nạn giao thông⁵, hơn 230 loại bệnh tật⁶, một số tội phạm.

¹ Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng Cộng sản Việt Nam.

² Tạp chí Đồ uống Việt Nam (2025), “Tóm tắt báo cáo đánh giá tác động của Dự thảo tăng thuế tiêu thụ đặc biệt đối với mặt hàng bia”, Tạp chí Đồ uống Việt Nam, truy cập tại <https://douongvietnam.vn/tom-tat-bao-cao-danh-gia-tac-dong-cua-du-thao-tang-thue-tieu-thu-dac-biet-doi-voi-mat-hang-bia.htm>, truy cập 06/5/2026.

³ Huy Hoàng (2026), “Người Việt tiêu thụ 4,6 tỷ lít bia, trong nhóm uống bia nhiều nhất thế giới”, Báo điện tử Dân trí, truy cập tại <https://dantri.com.vn/du-lich/nguoi-viet-tieu-thu-46-ty-lit-bia-trong-nhom-uong-bia-nhieu-nhat-the-gioi-20260112220735561.htm>, truy cập 07/5/2026.

⁴ Hạ Quyền (2025), “40.000 người Việt tử vong/năm: Chuyên gia chỉ rõ “tử thần” giấu mình trên bàn nhậu”. Báo điện tử Pháp luật Thành phố Hồ Chí Minh, truy cập tại <https://tuoitre.vn/plo/40000-nguoi-viet-tu-vongnam-chuyen-gia-chi-ro-tu-than-giau-minh-tren-ban-nhau-post880001.html>, truy cập 15/7/2026.

⁵ Anh D Ngo, Chalapati Rao, Nguyen Phuong Hoa, Damian G Hoy, Khieu Thi Quynh Trang, Peter S Hill (2012), Road traffic related mortality in Vietnam: Evidence for policy from a national sample mortality surveillance system, BMC Public Health, volume 12, number 561, pp.4.

Nhìn dưới góc độ vĩ mô, những chi phí bỏ ra để điều trị bệnh tật và khắc phục hậu quả tai nạn đang tạo ra một gánh nặng kinh tế nghiêm trọng (thiệt hại về kinh tế do sử dụng rượu, bia chiếm 1,3% đến 3,3% tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của các quốc gia)⁷. Mặc dù những hệ lụy tiêu cực nêu trên là tác hại chung của nhóm đồ uống có cồn nhưng theo thống kê về quy mô thị trường thì bia chiếm 93% thị phần⁸ cho thấy bia có sức ảnh hưởng sâu rộng hơn, tác động nhiều vào nguồn thu ngân sách cũng như thực trạng sức khỏe cộng đồng. Từ đó, đặt ra một thách thức cho Nhà nước: Làm thế nào để hài hòa giữa ba mục tiêu là vừa đảm bảo nguồn thu ngân sách, vừa đảm bảo sự phát triển của doanh nghiệp, vừa định hướng và kiểm soát hiệu quả hành vi tiêu dùng nhằm giảm thiểu gánh nặng y tế, bảo vệ sức khỏe cộng đồng? Trong bối cảnh đó, thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) sẽ là công cụ giúp Nhà nước đảm bảo nguồn thu nhà nước và hướng dẫn tiêu dùng xã hội, điều tiết sản xuất đối với mặt hàng bia

Hiện nay, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt năm 2025 có hiệu lực áp dụng từ ngày 01/01/2026, đã cho thấy nỗ lực của Nhà nước thông qua việc thiết lập lộ trình tăng thuế suất đối với mặt hàng bia. Mặc dù vậy, một vấn đề mang tính nền tảng về triết lý lập pháp vẫn chưa được giải quyết triệt để là quy định vẫn duy trì phương pháp tính thuế tương đối (thuế suất theo tỷ lệ phần trăm trên giá bán). Ngày nay, bia đã trở thành mặt hàng tiêu dùng phổ biến thay vì hàng hóa xa xỉ, việc tiếp tục áp dụng phương pháp tính thuế theo tỷ lệ phần trăm trên giá bán không còn phản ánh yếu tố trực tiếp tạo ra ngoại ứng tiêu cực đối với sức khỏe của một sản phẩm bia. Điều này dẫn đến tình trạng bia có nồng độ cồn cao nhưng giá bán thấp có thể chịu mức thuế thấp hơn bia có nồng độ cồn thấp nhưng giá bán cao, qua đó chưa tạo động lực chuyển dịch tiêu dùng sang các sản phẩm ít cồn. Ngược lại, phương pháp tính thuế tuyệt đối gắn trực tiếp nghĩa vụ thuế với lượng tiêu thụ, góp phần định hướng người tiêu dùng lựa chọn các sản phẩm có nồng độ cồn thấp hơn, đồng thời khuyến khích doanh nghiệp cạnh tranh thông qua nâng cao chất lượng và giảm nồng độ cồn thay vì cạnh tranh bằng giá. Đối với Việt Nam, nơi bia vẫn là mặt hàng có nhu cầu tiêu dùng lớn và tương đối ổn định, việc chuyển đổi phương pháp tính thuế theo lộ trình phù hợp vẫn có khả năng bảo đảm nguồn thu ngân sách, đồng thời nâng cao hiệu quả bảo vệ sức khỏe cộng đồng và hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.

2. Kinh nghiệm quốc tế trong thiết kế quy định về phương pháp tính thuế tiêu thụ đặc biệt đối với mặt hàng bia

Để thực hiện mục tiêu phát triển bền vững đòi hỏi sự kết hợp giữa các mục tiêu kinh tế, xã hội và môi trường; trong đó bảo vệ sức khỏe là một bộ phận quan trọng của quá trình phát triển. Trong đó, thuế TTĐB đối với đồ uống có cồn, cụ thể là mặt hàng bia, đóng vai trò thực hiện mục tiêu phát triển bền vững số 3 (SDG 3): Sức khỏe và cuộc sống tốt. Từ đó, góp phần

⁶ Trần Quốc Bảo, Hoàng Thị Mỹ Linh (2024), *Thực trạng sử dụng rượu, bia và hậu quả đối với sức khỏe, kinh tế, xã hội ở Việt Nam*, Tạp chí Chính sách Y tế, số 32-33, tr.81.

⁷ World Health Organization (2019), *Hỏi đáp về phòng chống tác hại của rượu bia*, Hà Nội, tr.6-7.

⁸ Rob Preece, Eddie Oczkowski, Yapa Bandara and Kontee Nuchaswan (2018), *Development of an econometric model of alcohol taxation in Vietnam*, World Customs Journal, Volume 2, Number 2, pp.150.

thực hiện mục tiêu phát triển bền vững số 12 (SDG 12): Tiêu thụ và sản xuất có trách nhiệm. Vì vậy, thuế TTĐB đối với mặt hàng bia không chỉ được xem xét dưới góc độ tạo nguồn thu mà còn ở khả năng ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng, định hướng sản xuất.

Việc áp dụng thuế TTĐB đối với bia - mặt hàng có tác động tiêu cực cho cộng đồng xuất phát từ yêu cầu khắc phục thất bại thị trường khi tiêu dùng có thể tạo ra các ngoại ứng tiêu cực như chi phí y tế, tai nạn giao thông và suy giảm năng suất lao động mà giá trị thị trường chưa phản ánh đầy đủ. Để khắc phục thất bại đó, thuế Pigou - loại thuế nội hóa các chi phí xã hội này vào giá bán⁹, qua đó ảnh hưởng đến giá và hành vi tiêu dùng bia. Tuy nhiên, hiệu quả điều tiết không chỉ phụ thuộc vào thuế suất mà còn phụ thuộc vào phương pháp tính thuế, bởi mỗi phương pháp tính thuế gắn với mỗi mục tiêu quản lý khác nhau mà quốc gia hướng đến.

Các quốc gia trên thế giới đã ban hành những quy định về thuế TTĐB dựa trên ba phương pháp cơ bản, mỗi phương pháp phản ánh một triết lý quản lý nhà nước khác nhau:

(1) Phương pháp tính thuế tương đối (điển hình là Việt Nam)

Phương pháp tính thuế tương đối là phương pháp đánh thuế dựa trên một tỷ lệ phần trăm (%) nhất định trên giá trị của mặt hàng bia. Giá trị được sử dụng để làm căn cứ tính thuế TTĐB sẽ được xác định tại một điểm cụ thể trong chuỗi cung ứng, chẳng hạn như giá bán tại nhà máy, giá nhập khẩu¹⁰.

Về ưu điểm, phương pháp tính thuế tương đối thể hiện những giá trị nhất định trong việc bảo đảm nguồn thu và điều tiết nền kinh tế. Cụ thể, tính thuế theo tỷ lệ phần trăm (%) trên giá bán giúp số thuế thu được tự động điều chỉnh theo tốc độ lạm phát, qua đó bảo toàn được giá trị thực của ngân sách nhà nước theo thời gian mà không cần phải liên tục sửa đổi luật. Bên cạnh đó, phương pháp này mang tính lũy tiến rõ rệt khi bám sát vào giá trị thương mại của hàng hóa. Theo đó, các dòng sản phẩm đắt tiền sẽ tự động phải gánh chịu mức thuế tài chính cao hơn, góp phần phát huy tốt vai trò điều tiết thu nhập đối với nhóm người tiêu dùng có khả năng chi trả lớn.

Về nhược điểm, phương pháp này thể hiện mức độ ngoại ứng tiêu cực do tiêu thụ bia gây ra hoàn toàn không tỷ lệ thuận với giá trị thương mại của sản phẩm, bởi một loại bia công nghiệp rẻ tiền không hề ít độc hại hơn một loại bia đắt tiền. Thêm vào đó, khi tỷ lệ thuế được điều chỉnh tăng, giá của các thương hiệu cao cấp sẽ chịu tác động tăng giá mạnh hơn nhiều so với các nhãn hiệu bình dân. Điều này vô hình trung tạo ra hiệu ứng thay thế, khiến người tiêu dùng chuyển sang các sản phẩm giá rẻ (chịu thuế thấp hơn). Cuối cùng, do thuế được neo vào giá bán, các nhà sản xuất có tình định giá thấp tại khâu sản xuất hoặc thu hẹp biên lợi nhuận để giảm thiểu nghĩa vụ thuế. Tình trạng thao túng và định giá thấp này không chỉ đặt ra thách thức lớn cho công tác thanh tra, quản lý hành chính mà còn khiến nguồn thu ngân sách nhà nước luôn trong trạng thái biến động, khó dự báo.

⁹ World Health Organization (2023), *Who technical manual on alcohol tax policy and administration*, pp.23.

¹⁰ HealthBridge (2015), *Alcohol taxation and price policies in Vietnam and in the world*, p.11.

(2) Phương pháp tính thuế tuyệt đối (Philippines, Singapore...)

Phương pháp tính thuế tuyệt đối đánh thuế dựa trên một khoản tiền cố định trên một đơn vị đo lường vật lý, thường là thu trên thể tích hoặc theo nồng độ cồn nguyên chất¹¹. Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) đã khuyến nghị áp dụng thuế suất cụ thể dựa trên hàm lượng cồn để sử dụng giá cả như một phần của chiến lược nhằm hạn chế mức tiêu thụ có hại.

Về ưu điểm, phương pháp tính thuế tuyệt đối ấn định một mức thu cố định giúp công tác quản lý hành chính trở nên minh bạch, dễ dàng tính toán và tạo ra nguồn thu ngân sách ổn định, có tính dự báo cao, hoàn toàn độc lập với các chiến lược thao túng giá hay thu hẹp biên lợi nhuận của doanh nghiệp. Hay bằng việc áp dụng cùng một mức thuế cho mọi nhãn hiệu có chung thể tích hoặc nồng độ cồn bất kể định vị phân khúc, giúp cho người dân tiếp cận được với các sản phẩm tốt hơn, chất lượng hơn có giá cao hơn mà không bị áp thuế cao hơn. Đặc biệt, khi thuế được tính toán trực tiếp dựa trên nồng độ cồn, gánh nặng tài chính sẽ tỷ lệ thuận với lượng chất cồn tiêu thụ nên đảm bảo người tiêu dùng uống càng nhiều cồn thì càng phải nộp thuế cao, qua đó phản ánh chính xác và định lượng đúng đắn quy mô ngoại ứng tiêu cực mà sản phẩm gây ra cho xã hội.

Về nhược điểm, thể hiện rõ nhất là tính nhạy cảm với sự biến động của kinh tế do giá trị thực của một khoản thuế cố định rất dễ bị lạm phát bào mòn theo thời gian, bắt buộc Chính phủ phải thiết lập cơ chế trượt giá hoặc liên tục trình Quốc hội điều chỉnh tăng mức thuế định kỳ để duy trì sức nặng răn đe. Thêm vào đó, nếu chỉ đơn thuần đánh thuế trên tổng thể tích vật lý (lít bia) mà không kết hợp phân chia theo bậc nồng độ, thị trường có nguy cơ dịch chuyển tiêu dùng sang các sản phẩm nồng độ cồn cao nhưng có chi phí sản xuất và giá bán thấp, đi ngược lại với mục tiêu y tế công cộng. Bên cạnh đó, thuế tuyệt đối mang tính chất lũy thoái, việc ấn định một mức thuế cố định trên cùng một đơn vị sản phẩm đồng nghĩa với việc tỷ lệ đóng góp trên tổng thu nhập của người có thu nhập thấp sẽ như người có thu nhập cao, tạo ra gánh nặng không đồng đều giữa các nhóm thu nhập trong xã hội.

Ví dụ: Philippines - “Thuế tội lỗi” (Sin Tax Reform) năm 2012.

Bối cảnh trước cải cách: Trước năm 2012, Philippines áp dụng hệ thống thuế phân tầng phức tạp dựa trên giá bán lẻ và không có cơ chế điều chỉnh theo lạm phát. Sự lạc hậu này dẫn đến hai hệ lụy nghiêm trọng. Về tài chính, giá trị thực của tiền thuế bị bào mòn, khiến doanh thu từ thuế TTĐB giảm mạnh từ 0,9% GDP (năm 1997) xuống dưới 0,5% GDP (năm 2012), thất thu khoảng 2,5 tỷ USD/năm. Về y tế, do thuế mất giá trị, hàng hóa trở nên siêu rẻ (điển hình là thuốc lá chỉ 1 peso/điếu, rượu bia tràn lan), tạo ra tỷ lệ tiêu thụ khổng lồ và kéo theo gánh nặng bệnh tật vượt tầm kiểm soát. Thêm vào đó, hệ thống cũ tạo ra sự độc quyền và vướng phải phán quyết phân biệt đối xử của WTO¹².

¹¹ HealthBridge (2015), sđd, p.10.

¹² Kai Kaiser, Caryn Bredenkamp, Roberto Iglesias (2016), Sin Tax Reform in the Philippines, Transforming Public Finance, Health, and Governance for More Inclusive Development, World Bank Group, p.1.

Quyết sách cải cách: Đạo luật Sin Tax 2012 (Republic Act No. 10351) ra đời đã từng bước chuyển sang biểu thuế áp dụng thống nhất cho bia với một mức tiền cố định mà không phân tầng theo giá bán như trước đây¹³. Tuy nhiên, không chuyển ngay sang áp dụng thống nhất một mức tiền thuế (PHP/lít) cho toàn bộ loại bia mà vẫn phân chia thành hai nhóm có hai mức tiền thuế khác nhau dựa vào giá bán. Và từ năm 2017 trở đi hệ thống thuế đa bậc chính thức được thay thế bằng thuế tuyệt đối đơn nhất áp dụng thống nhất cho toàn sản phẩm bia, đồng thời tiếp tục được điều chỉnh tăng theo định kỳ. Đến năm 2020, Republic Act No. 11467 tiếp tục nâng đáng kể mức thuế tuyệt đối với quy định cơ chế tăng thuế tự động hằng năm.

Thành quả đạt được: Về ngân sách, doanh thu thuế tăng vọt vượt mốc 1% GDP (đạt 141,8 tỷ peso năm 2015)¹⁴. Đáng chú ý nhất, Philippines đã luật hóa cơ chế phân bổ nguồn thu, trích 85% nguồn thu tăng thêm để đưa vào quỹ Bảo hiểm y tế toàn dân, tài trợ y tế miễn phí cho hơn 15,3 triệu gia đình nghèo¹⁵. Có thể thấy, pháp luật Philippines không chỉ thay đổi lập tức căn cứ tính thuế không dựa vào giá cả để phân chia mức tiền thuế áp dụng mà có lộ trình rõ ràng cho sự thay đổi đó đã góp phần tạo điều kiện để doanh nghiệp thích ứng với chính sách mới.

(3) Phương pháp tính thuế hỗn hợp (Thái Lan).

Phương pháp tính thuế hỗn hợp là sự kết hợp của phương pháp tuyệt đối và phương pháp tương đối, trong đó số thuế phải nộp bao gồm một tỷ lệ% trên giá bán cộng với một khoản tiền cố định thu trên lít bia hoặc nồng độ cồn.

Về ưu điểm, phương pháp tính thuế hỗn hợp được đánh giá là giải pháp toàn diện khi kết hợp thành công điểm mạnh của cả hai phương pháp tương đối và tuyệt đối. Phương pháp này giúp ngân sách nhà nước vừa theo kịp tốc độ lạm phát, vừa duy trì được nguồn thu ổn định, không thiên vị các sản phẩm giá cao hay giá thấp và ít bị ảnh hưởng bởi các chiến lược định giá của nhà sản xuất. Đặc biệt, thành phần thuế tuyệt đối này phát huy hiệu quả trong việc cắt giảm sản lượng tiêu thụ ở nhóm người lạm dụng rượu bia, đồng thời ngăn chặn hiệu quả việc thanh thiếu niên bắt đầu tiếp cận và sử dụng đồ uống có cồn.

Về nhược điểm, phương pháp này được đánh giá là hệ thống thuế phức tạp nhất, đòi hỏi bộ máy Nhà nước phải tiêu tốn một nguồn lực hành chính để tổ chức quản lý, đo lường và giám sát hiệu quả. Bên cạnh đó, sự tồn tại song song của cấu phần thuế tính theo tỷ lệ phần trăm (%) vô hình trung làm suy giảm tính minh bạch của toàn bộ hệ thống. Đặc tính biến thiên dựa trên giá bán của cấu phần này tạo ra rào cản không nhỏ, gây khó khăn cho cả Chính phủ trong việc dự báo chính xác nguồn thu ngân sách lẫn cộng đồng doanh nghiệp trong quá trình hoạch định chiến lược kinh doanh và tính toán chi phí dài hạn.

¹³ Kai Kaiser, Caryn Bredenkamp, Roberto Iglesias (2016), sdd, p.2.

¹⁴ Kai Kaiser, Caryn Bredenkamp, Roberto Iglesias (2016), sdd, p.1.

¹⁵ Kai Kaiser, Caryn Bredenkamp, Roberto Iglesias (2016), sdd, p.2.

Ví dụ: Thái Lan^{16,17}

Bối cảnh trước cải cách: Trong khoảng thời gian từ năm 1996 đến năm 2017, Thái Lan đã thực hiện 11 lần tăng thuế và hai lần cải cách cơ cấu lớn. Từ năm 2013 trở về trước, Thái Lan áp dụng tính thuế TTĐB đối với bia bằng cách chọn mức cao hơn giữa thuế tỷ lệ phần trăm tính trên giá xuất xưởng hoặc mức tiền thuế tuyệt đối. Đồng thời, phân nhóm thuế theo thành phần nguyên liệu hay các đặc tính đặc biệt, nguồn gốc xuất xứ. Mặc dù các đợt tăng thuế thường xuyên đã giúp duy trì sự suy giảm mức tiêu thụ rượu bia nhưng hệ thống cũ bộc lộ nhiều hạn chế như các thay đổi ban đầu không bao trùm toàn bộ danh mục đồ uống trên thị trường và đặc biệt là thiếu đi các cơ chế điều chỉnh tự động theo lạm phát cũng như khả năng chi trả của người dân - yếu tố thiết yếu để duy trì tác động bảo vệ sức khỏe cộng đồng trong dài hạn. Hệ thống phân loại thuế phức tạp gây thiếu công bằng cho các sản phẩm.

Quyết sách cải cách: Nhận thấy những kẽ hở và sự phức tạp của hệ thống cũ, từ năm 2013 đến năm 2017, Thái Lan đã tiến hành một cuộc cải cách hệ thống thuế rượu bia. Nổi bật là năm 2017, Thái Lan chuyển đổi sang áp dụng phương pháp tính thuế hỗn hợp, kết hợp giữa thuế suất tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá bán lẻ đề xuất và thuế tuyệt đối tính trên mỗi lít cồn nguyên chất. Trong đó, giá bán lẻ đề xuất (không bao gồm thuế giá trị gia tăng) được tính dựa trên chi phí sản xuất, chi phí quản lý và lợi nhuận chuẩn với điều kiện giá này không được thấp hơn giá quy định cho việc bán hàng cho người tiêu dùng cuối cùng thông thường trên thị trường.

Thành tựu đạt được: Việc duy trì các chính sách thuế liên tục đã mang lại hiệu quả vượt trội trong việc kiểm soát hành vi tiêu dùng. Cụ thể, các đợt tăng thuế TTĐB nhỏ lẻ (vào tháng 01/1997, tháng 3/2001 và tháng 9/2007) đã giúp giảm lượng cồn tiêu thụ bình quân lần lượt là 9,7%, 4,8% và 6,7%. Đặc biệt, hai cuộc cải cách cấu trúc sâu rộng toàn diện hệ thống thuế (áp dụng thuế hỗn hợp) vào năm 2013 và năm 2017 đã mang lại tác động lớn hơn rất nhiều, giúp giảm mạnh lượng tiêu thụ cồn bình quân lần lượt là 9,3% và lên tới 23,0%. Các mô hình phân tích đã chứng minh rằng nếu không áp dụng các chính sách thuế này, tổng lượng cồn nguyên chất tiêu thụ bình quân của mỗi người trưởng thành trong giai đoạn 1995 - 2021 sẽ cao hơn trung bình 0,56 lít/năm, và riêng năm 2021 mức tiêu thụ này có thể đã cao hơn tới gần 2 lít (1,99 lít). Nhờ ngăn chặn được sự gia tăng tiêu thụ trong dài hạn, các chính sách thuế này đã góp phần hạn chế và suy giảm đáng kể các tác hại cũng như gánh nặng bệnh tật liên quan đến đồ uống có cồn.

Do đó, việc lựa chọn phương pháp tính thuế TTĐB không đơn thuần là một bài toán kỹ thuật thu ngân sách mà còn thể hiện triết lý quản lý của Nhà nước nói chung và quản lý thuế nói riêng.

¹⁶ Kai Kaiser, Caryn Bredenkamp, Roberto Iglesias (2016), sdd, p.28.

¹⁷ Nyi Nyi Zayar et al. (2026), Impact of alcohol excise taxation and structural reforms on per capita consumption in Thailand, 1995 - 2021: an interrupted time-series analysis, International Journal of Drug Policy, volume 150, <https://doi.org/10.1016/j.drugpo.2026.105191>

3. Thực trạng quy định về phương pháp tính thuế tiêu thụ đặc biệt đối với mặt hàng bia tại Việt Nam và một số khuyến nghị hoàn thiện nhằm mục tiêu phát triển bền vững

Tại khoản 2 Điều 5 Luật Thuế TTĐB năm 2025 có quy định về phương pháp tính thuế đối với mặt hàng bia theo phương pháp tính thuế theo tỷ lệ phần trăm:

$$\text{Thuế TTĐB áp dụng phương pháp tính thuế theo tỷ lệ phần trăm} = \frac{\text{Giá tính thuế của hàng hóa chịu thuế}}{\text{Thuế suất}}$$

Và tại Điều 8 Luật Thuế TTĐB năm 2025 quy định về mức thuế suất được áp dụng cho mặt hàng bia nói chung với lộ trình tăng dần theo năm (không phân chia theo nồng độ cồn):

- Từ ngày 01/01/2026: 65%.
- Từ ngày 01/01/2027: 70%.
- Từ ngày 01/01/2028: 75%.
- Từ ngày 01/01/2029: 80%.
- Từ ngày 01/01/2030: 85%.
- Từ ngày 01/01/2031: 90%.

Có thể thấy, việc áp dụng công cụ thuế TTĐB kết hợp với các chính sách quản lý nhà nước khác đã bước đầu mang lại những hiệu ứng tích cực nhất định. Việc duy trì và tăng thuế suất theo lộ trình đã góp phần nâng mặt bằng giá cả của mặt hàng bia, qua đó tạo rào cản tài chính làm giảm sản lượng tiêu thụ bia bình quân đầu người. Sự cộng hưởng giữa việc tăng thuế và việc thực thi nghiêm ngặt các quy định xử phạt vi phạm hành chính về nồng độ cồn khi tham gia giao thông theo Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông trong lĩnh vực giao thông đường bộ; trừ điểm, phục hồi điểm giấy phép lái xe đã góp phần thay đổi thói quen của một bộ phận người tiêu dùng, kéo giảm tỷ lệ tai nạn giao thông và các bệnh lý liên quan đến lạm dụng cồn.

Tuy nhiên, dưới góc độ hiệu quả kinh tế vĩ mô và triết lý lập pháp, việc duy trì phương pháp tính thuế theo tỷ lệ% đã và đang bộc lộ một số bất cập, hạn chế cụ thể:

Thứ nhất, chưa thúc đẩy doanh nghiệp phát triển sản xuất với sản phẩm có nồng độ cồn thấp. Việc chỉ tập trung điều tiết hành vi người tiêu dùng bằng thuế suất (%) thông qua giá bán sẽ không tạo ra cơ chế định hướng dòng sản phẩm, thúc đẩy doanh nghiệp sản xuất những dòng bia nồng độ thấp, dòng bia chất lượng hơn vì khi muốn tối ưu số thuế TTĐB thì tập trung tối ưu giá bán chứ không phải giảm nồng độ cồn trong sản phẩm.

Thứ hai, không đánh vào nồng độ cồn hay thể tích bia tiêu thụ hay thể tích cồn nguyên chất - một trong những yếu tố chính của một sản phẩm bia gây nên ngoại tác tiêu cực. Thuế tương đối đánh vào giá bán chứ không đánh vào nồng độ cồn hay lượng thể tích tiêu thụ. Điều này dẫn đến hai sản phẩm có cùng thể tích nhưng một sản phẩm có nồng độ cồn thấp thì tiêu

thụ lượng còn thấp hơn một sản phẩm có nồng độ cồn cao. Quy định này đang vô hình trung hạn chế sự đổi mới sáng tạo, kìm hãm phân khúc bia chất lượng cao và tạo lợi thế cạnh tranh bất bình đẳng cho các sản phẩm cồn giá rẻ.

Thứ ba, thất thu thuế và rủi ro y tế từ hiệu ứng thay thế. Việc liên tục tăng tỷ lệ% thuế suất khiến mức giá chung tăng cao, tạo ra gánh nặng lớn nhất đối với nhóm người tiêu dùng có thu nhập thấp. Theo quy luật cung cầu, thay vì từ bỏ việc uống bia, phương pháp thuế này có thể tạo ra hiệu ứng thay thế bất lợi, khiến nhóm thu nhập thấp có nguy cơ chuyển sang tiêu thụ các sản phẩm rượu, bia phi chính thức, giá rẻ, vốn khó kiểm soát về chất lượng vì bia không qua kiểm định hoặc hàng trôi nổi để có giá rẻ hơn. Điều này có thể dẫn đến hậu quả là Nhà nước không những thất thu thuế mà còn phải đối mặt với hệ lụy y tế nghiêm trọng hơn (ngộ độc Methanol, tổn thương gan) do không kiểm soát được lượng và chất của cồn tiêu thụ thực tế.

Thứ tư, tạo lỗ hổng pháp lý cho hành vi chuyển giá. Vì thuế tính bằng tỷ lệ% trên giá bán, các doanh nghiệp ngành bia có lý do để thành lập các công ty phân phối sâu sau. Nhà máy sản xuất sẽ bán bia cho công ty này với giá thấp nhất có thể để tối thiểu hóa số thuế TTĐB phải nộp. Hiện nay, pháp luật đã có quy định chống chuyển giá, điển hình là việc ấn định “giá bán làm căn cứ tính thuế TTĐB không được thấp hơn 7% so với giá bán bình quân của các cơ sở kinh doanh thương mại đó bán ra” nếu có quan hệ công ty mẹ - con hoặc quan hệ con - con chung cùng công ty mẹ hoặc có mối liên hệ liên kết (theo điểm đ khoản 1 Điều 5 Nghị định số 360/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế TTĐB). Tuy nhiên, đây mới chỉ là giải pháp mang tính hình thức, nếu các doanh nghiệp thiết lập một mạng lưới phân phối hoàn toàn độc lập về mặt pháp lý (danh nghĩa không có quan hệ mẹ - con, không nắm giữ cổ phần chéo) nhưng lại chịu sự chi phối ngầm về lợi ích thì cơ quan thuế sẽ gặp khó khăn trong việc áp dụng quy định không chế này dẫn đến ngân sách nhà nước bị thất thu. Và dù có những quy định về ấn định thuế trong trường hợp mua bán hàng hóa không theo giá trị thông thường trên thị trường làm giảm nghĩa vụ thuế, tức là cơ chế ấn định thuế chỉ là giải pháp khắc phục trong quá trình quản lý thuế, chứ không loại bỏ được nguyên nhân phát sinh từ phương pháp tính thuế dựa trên giá bán.

Thực trạng trên cho thấy, phương pháp thuế tương đối đã không còn phù hợp. Việc hoạch định chính sách thuế TTĐB đối với bia trong giai đoạn hiện nay không chỉ vào công cụ thuế mà đòi hỏi phải có sự kết hợp nhiều giải pháp để đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên. Chỉ khi công cụ thuế được cải cách để vừa kiểm soát triệt để hành vi tiêu dùng - đánh vào nồng độ cồn hoặc thể tích tiêu thụ, vừa bảo vệ được sức cạnh tranh và nguồn lực của khu vực doanh nghiệp tạo dư địa cho sản phẩm cao cấp thì pháp luật thuế mới thực sự phục vụ và đóng góp vào mục tiêu phát triển kinh tế 2 con số, đồng thời đảm bảo tính bền vững của quốc gia.

Từ những hạn chế của phương pháp tính thuế TTĐB đối với bia hiện hành tại Việt Nam và kinh nghiệm của một số quốc gia, cho thấy việc chuyển đổi phương pháp tính thuế đối với bia là cần thiết nhưng phải được thực hiện theo lộ trình phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam. Cách tiếp cận này vừa bảo đảm tính ổn định của hoạt động sản xuất,

kinh doanh, vừa từng bước nâng cao hiệu quả điều tiết tiêu dùng nhằm thực hiện mục tiêu phát triển bền vững số, cụ thể là mục tiêu thứ 3 (SDG 3) về đảm bảo cuộc sống khỏe mạnh và thúc đẩy hạnh phúc cho tất cả mọi người ở mọi lứa tuổi.

Thuế TTĐB đối với bia mang bản chất là thuế Pigou. Khi việc tiêu dùng một loại hàng hóa tạo ra các chi phí xã hội mà người tiêu dùng không phải gánh chịu đầy đủ thì Nhà nước cần nội hóa chi phí đó thông qua việc tăng giá của hàng hóa đó. Vì vậy, căn cứ tính thuế cần phản ánh đúng yếu tố tạo nên ngoại ứng tiêu cực của một sản phẩm - bia (lượng cồn được tiêu thụ).

Từ kinh nghiệm của Philippines và Thái Lan nêu ở trên, cho thấy quá trình thay đổi phương pháp thuế TTĐB cần có bước chuyển tiếp hợp lý để hạn chế tác động đột ngột đối với doanh nghiệp và tạo điều kiện để cơ quan quản lý hoàn thiện hệ thống quản lý, kiểm định.

Trên cơ sở đó, nhóm tác giả đề xuất lộ trình chuyển đổi phương pháp tính thuế TTĐB đối với bia gồm ba giai đoạn:

Thứ nhất, giai đoạn chuyển tiếp này cần tiếp tục duy trì phương pháp tính thuế tương đối nhưng phân tầng thuế suất theo từng nhóm nồng độ cồn. Giải pháp này không làm thay đổi căn bản phương pháp đang được áp dụng, nhưng bước đầu tạo tín hiệu chính sách rõ ràng rằng sản phẩm có nồng độ cao sẽ chịu mức thuế cao hơn. Đồng thời, việc quy định ngay lộ trình cải cách trong Luật sẽ tạo cơ sở pháp lý để doanh nghiệp chủ động điều chỉnh chiến lược sản xuất, nghiên cứu các dòng sản phẩm có nồng độ cồn thấp hơn và giúp cơ quan quản lý chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho giai đoạn tiếp theo.

Việc phân chia thuế suất theo từng nhóm nồng độ cồn (nhóm bia nồng độ cồn thấp có thuế suất thấp hơn nhóm bia có nồng độ cồn cao) có thể dẫn đến việc giá bia nồng độ cồn giảm hoặc thấp hơn giá bia có nồng độ cồn cao, dẫn đến xu hướng dùng bia nồng độ thấp. Nếu khi bia nồng độ cồn thấp hoặc không còn có giá thấp hơn bia nồng độ cồn cao, bia nồng độ thấp hoặc không còn sẽ có thể là lựa chọn thay thế cho bia nồng độ cồn cao¹⁸. Từ đó, giảm lượng cồn tiêu thụ và giảm các tác hại tiêu cực cho xã hội mà cồn mang đến. Ở giai đoạn này, trước hết khắc phục hạn chế khi chưa gắn nghĩa vụ thuế với nồng độ cồn, qua đó bước đầu hạn chế hiệu ứng thay thế sang các sản phẩm giá thấp nhưng có nồng độ cồn cao.

Hiện nay, Việt Nam đã có hệ thống pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm đã yêu cầu doanh nghiệp xác định và công bố hàm lượng cồn của bia trước khi lưu thông trên thị trường. Tuy nhiên, dữ liệu về nồng độ cồn hiện mới chủ yếu phục vụ mục tiêu quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm, chưa được tích hợp để xác định số tiền thuế phải nộp. Do đó, trước khi áp dụng giai đoạn này cơ quan quản lý cần xây dựng cơ chế chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan liên quan đồng thời hoàn thiện quy trình hậu kiểm đối với chỉ tiêu nồng độ cồn để phục vụ quản lý thuế.

¹⁸ S. F. Acuff, J. C. Strickland, and D. D. Reed (2026), *The Effect of Price on the Behavioural Economic Substitutability of Non-Alcoholic and Alcoholic Beverages*, Drug and Alcohol Review, truy cập tại <https://doi.org/10.1111/dar.70121>

Thứ hai, chuyển sang phương pháp tính thuế hỗn hợp. Khi cơ sở dữ liệu về nồng độ cồn đã vận hành ổn định và doanh nghiệp đã thích ứng với căn cứ nồng độ cồn, Việt Nam cần bổ sung cấu phần thuế tuyệt đối trên thể tích tiêu thụ và vẫn duy trì cấu phần thuế tương đối ở giai đoạn chuyển tiếp. Mô hình này cho phép kết hợp ưu điểm của cả hai phương pháp tuyệt đối và tương đối. Thành phần thuế tuyệt đối góp phần thiết lập mức giá tối thiểu đối với bia, hạn chế khả năng cạnh tranh bằng giá thấp của các sản phẩm có nồng độ cồn cao và tăng hiệu quả điều tiết hành vi tiêu dùng theo hướng giảm lượng ethanol thực tế được sử dụng. Trong khi đó, thành phần thuế tương đối vẫn bảo đảm nguồn thu ngân sách có khả năng tự điều chỉnh theo biến động giá cả và lạm phát.

Thứ ba, chuyển hoàn toàn sang phương pháp tính thuế tuyệt đối. Khi hệ thống quản lý thuế đã vận hành ổn định, cơ chế điều chỉnh định kỳ mức thuế tuyệt đối để thích ứng với lạm phát được thiết lập và doanh nghiệp đã chuyển dần sang cạnh tranh bằng chất lượng thay vì giá bán, Nhà nước có thể loại bỏ hoàn toàn cấu phần thuế tương đối. Phương pháp này được đánh giá là phản ánh tốt nhất các tác động ngoại lai liên quan đến việc sử dụng đồ uống có cồn, càng tiêu thụ nhiều thì càng phải trả nhiều thuế TTĐB¹⁹. Đồng thời, phương pháp này phản ánh đầy đủ nhất nguyên tắc nội hóa ngoại ứng tiêu cực của thuế Pigou, bởi căn cứ tính thuế gắn trực tiếp với yếu tố tạo ra rủi ro đối với sức khỏe cộng đồng. Hơn nữa, việc bỏ hẳn cấu phần thuế tương đối dựa vào giá bán sẽ tránh rủi ro chuyển giá để giảm thuế TTĐB phải nộp của người nộp thuế và đơn giản hóa cấu trúc thuế.

Việc chuyển đổi hoàn toàn sang phương pháp tính thuế tuyệt đối dựa trên lượng cồn nguyên chất giúp khắc phục hạn chế khi nghĩa vụ thuế không phụ thuộc vào giá trị thương mại mà gắn trực tiếp với yếu tố gây tác hại của một sản phẩm bia - lượng cồn. Đồng thời, phương pháp này làm giảm đáng kể sự chênh lệch thuế giữa các sản phẩm có cùng lượng cồn và không dựa vào giá bán sẽ hạn chế nguy cơ chuyển giá.

Như vậy, lộ trình ba giai đoạn trên có khả năng khắc phục cơ bản các hạn chế liên quan trực tiếp đến cấu trúc của phương pháp tính thuế hiện hành.

Nhằm hạn chế biến động thị trường và bảo đảm ổn định ngành bia nội địa nhóm tác giả đề xuất lộ trình chuyển đổi linh hoạt gồm 3 giai đoạn:

Giai đoạn 1. Áp dụng phương pháp “Thuế tỷ lệ phân tầng theo nồng độ cồn”. Vẫn giữ nguyên phương pháp thuế% chuyển sang phân bậc theo hàm lượng cồn. Đây là bước đệm, giúp thị trường làm quen với nguyên lý “cồn cao - thuế cao”, thúc đẩy doanh nghiệp chủ động giảm nồng độ cồn để tối ưu hóa doanh số.

Thuế TTĐB = Giá tính thuế của hàng hóa chịu thuế x Thuế suất

Ví dụ: Bia có nồng độ cồn < 4% chịu thuế suất 65%; Bia có nồng độ cồn từ 4% - 5.5% chịu thuế suất 75%; Bia có nồng độ cồn > 5.5% chịu thuế suất 85%. Như vậy một lon bia 300ml có nồng độ cồn 5% có giá bán xuất xưởng là 10.000 đồng sẽ được tính thuế như sau:

Thuế TTĐB = 10.000 đồng x 75% = 7.500 đồng

¹⁹ HealthBridge (2015), sđd, pp.11.

Việc ấn định các ngưỡng nồng độ cồn (< 4%; từ 4% - 5,5%; và > 5,5%) trong phương pháp phân tầng thuế suất được thiết lập dựa các lý do sau:

Thứ nhất, đối với ngưỡng > 5,5%, sự phân loại này mang tính kế thừa với Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2019 đã sử dụng mốc 5,5 độ làm mốc để phân định mức độ nguy hại, qua đó áp dụng các biện pháp cấm và hạn chế quảng cáo nghiêm ngặt nhất đối với nhóm đồ uống từ 5,5 độ trở lên. Vì vậy, sử dụng cùng ngưỡng này trong thiết kế thuế giúp bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật và tránh việc mỗi chính sách sử dụng một tiêu chí khác nhau.

Thứ hai, đối với 4,0 - 5,5%, ngưỡng này được xác định là vùng thuế suất tiêu chuẩn phản ánh đúng thực tiễn tiêu dùng. Tham khảo nghiên cứu của Mxolisi Zondi và Corné van Walbeek về tác động của thuế TTĐB đối với bia lên mức tiêu thụ và doanh thu ở Nam Phi, ngưỡng thuế cần được thiết kế sát với phân khúc bia phổ biến trên thị trường nhằm tạo động lực để doanh nghiệp giảm nồng độ cồn của sản phẩm. Nghiên cứu chỉ ra rằng do phần lớn bia tại Nam Phi có nồng độ từ 4% đến 6% ABV²⁰, việc đặt ngưỡng ở 2,5%; 3,5%; 4,5% sẽ tạo động lực cải tiến sản phẩm mạnh hơn đáng kể so với ngưỡng quá rộng (như 2,5% đến 9%)²¹. Có thể vận dụng đối với Việt Nam khi phần lớn các sản phẩm bia phổ thông hiện nay cũng tập trung trong khoảng 4 đến 5 độ cồn²² và kết hợp với ngưỡng 5,5% từ sự kế thừa của Luật Phòng, chống tác hại rượu, bia. Do đó, việc đặt ngưỡng 4,0% đến 5,5% ngay dưới phân khúc này sẽ khuyến khích doanh nghiệp chuyển dịch sang các dòng bia có nồng độ thấp hơn.

Giai đoạn 2. Chuyển đổi sang Thuế hỗn hợp. Khi hệ thống kiểm định đo lường nồng độ cồn của cơ quan quản lý đã hoàn thiện và doanh nghiệp đã thích ứng, Luật sẽ bổ sung cấu phần thuế tuyệt đối.

$$\text{Thuế TTĐB} = \frac{\text{Mức tiền}}{\text{cổ định}} \times \text{Thể tích} + \frac{\text{Giá tính thuế}}{\text{của hàng hóa}} \times \frac{\text{Thuế suất (theo)}}{\text{nồng độ cồn}} \times \frac{\text{chịu thuế}}$$

Ví dụ: Giả định Nhà nước bổ sung mức thu tuyệt đối là 3.000 đồng/lít, giữ nguyên biểu thuế suất% như Giai đoạn 1. Một lon bia 300ml nồng độ cồn 5% có giá bán xuất xưởng 10.000 đồng sẽ được tính thuế như sau:

$$\text{Thuế TTĐB} = 3.000 \text{ đồng/lít} \times 0,3 \text{ lít} + 10.000 \text{ đồng} \times 75\% = 8.400 \text{ đồng}.$$

Giai đoạn 3. Chuyển đổi hoàn toàn sang Thuế tuyệt đối. Khi thị trường đã dịch chuyển thành công sang các dòng sản phẩm chất lượng cao, ít cồn, Nhà nước sẽ xóa bỏ hoàn toàn

²⁰ Mxolisi Zondi and Corné van Walbeek (2025), *Modelling the impact of beer excise taxes on consumption and revenue in South Africa*, p.3.

²¹ Mxolisi Zondi and Corné van Walbeek (2025), sđd, p.16.

²² Quang Xuân (2017), *Chính sách với ngành rượu bia có phải đang xa rời thực tế*, Tạp chí Đồ uống Việt Nam, số 5, tr.8.

thành phần thuế% trên giá bán. Thuế TTĐB sẽ chỉ còn được tính bằng một khoản tiền cố định nhân với lượng còn nguyên chất.

$$\text{Thuế TTĐB} = \text{Mức tiền cố định (theo nồng độ còn)} \times \text{Thể tích}$$

Ví dụ: Giả định Nhà nước chỉ áp dụng mức thu tuyệt đối là 10.000 đồng/lít đối với bia có nồng độ cồn < 4%; 20.000 đồng/lít đối với bia có nồng độ cồn từ 4 - 5,5%; 30.000 đồng/lít đối với bia có nồng độ cồn > 5,5%. Thì một lon bia 300ml nồng độ cồn 5% được tính thuế như sau:

$$\text{Thuế TTĐB} = 20.000 \text{ đồng/lít} \times 0,3 \text{ lít} = 6.000 \text{ đồng}$$

4. Kết luận

Cải cách phương pháp tính luật thuế TTĐB không chỉ là điều chỉnh mức thuế suất mà còn là quá trình thay đổi cách tiếp cận đối với từng đối tượng chịu thuế để lựa chọn phương pháp tính thuế phù hợp với mục tiêu của Nhà nước trong từng giai đoạn phát triển. Kinh nghiệm cải cách của một số quốc gia trong khu vực như Thái Lan và Philippines cho thấy việc thiết kế phương pháp tính thuế theo hướng dựa vào lượng cồn hoặc thể tích tiêu thụ và có lộ trình thay đổi đã góp phần nâng cao hiệu quả điều tiết tiêu dùng và hướng chính sách thuế đến mục tiêu bảo vệ sức khỏe cộng đồng. Trên cơ sở những phân tích về cơ sở lý luận, thực tiễn pháp luật Việt Nam và kinh nghiệm quốc tế, bài viết đề xuất lộ trình chuyển đổi phương pháp tính thuế TTĐB đối với bia theo hướng gắn với hàm lượng cồn, qua đó góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2026). Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng. Hà Nội.
2. Chính phủ (2024). Nghị định số 168/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 quy định xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông trong lĩnh vực giao thông đường bộ; trừ điểm, phục hồi điểm giấy phép lái xe. Hà Nội.
3. Chính phủ (2025). Nghị định số 360/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt. Hà Nội.
4. Quốc hội (2025). Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt, số 66/2025/QH15 ngày 14/6/2025. Hà Nội.
5. Anh D Ngo, Chalapati Rao, Nguyen Phuong Hoa, Damian G Hoy, Khieu Thi Quynh Trang, Peter S Hill (2012), *Road traffic related mortality in Vietnam: Evidence for policy from a national sample mortality surveillance system*, PMC Public Health, volume 12, number 561.
6. HealthBridge (2015). *Alcohol taxation and price policies in Vietnam and in the world*.

7. Kai Kaiser, Caryn Bredenkamp, Roberto Iglesias (2016). *Sin Tax Reform in the Philippines, Transforming Public Finance, Health, and Governance for More Inclusive Development*, World Bank Group.
8. Mxolisi Zondi and Corné van Walbeek (2025). Modelling the impact of beer excise taxes on consumption and revenue in South Africa.
9. Nyi Nyi Zayar et al. (2026). *Impact of alcohol excise taxation and structural reforms on per capita consumption in Thailand, 1995 - 2021: an interrupted time-series analysis*, International Journal of Drug Policy, volume 150, <https://doi.org/10.1016/j.drugpo.2026.105191>
10. Quang Xuân (2017). *Chính sách với ngành rượu bia có phải đang xa rời thực tế*, Tạp chí Đồ uống Việt Nam, số 5.
11. Rob Preece, Eddie Oczkowski, Yapa Bandara and Kontee Nuchaswan (2018). *Development of an econometric model of alcohol taxation in Vietnam*, World Customs Journal, Volume 2, Number 2.
12. S. F. Acuff, J. C. Strickland, and D. D. Reed (2026). *The Effect of Price on the Behavioural Economic Substitutability of Non-Alcoholic and Alcoholic Beverages*, Drug and Alcohol Review, <https://doi.org/10.1111/dar.70121>
13. Trần Quốc Bảo, Hoàng Thị Mỹ Linh (2024). *Thực trạng sử dụng rượu, bia và hậu quả đối với sức khỏe, kinh tế, xã hội ở Việt Nam*, Tạp chí Chính sách Y tế, số 32-33.
14. World Health Organization (2019). *Hỏi đáp về phòng chống tác hại của rượu bia*, Hà Nội.
15. World Health Organization (2023). *Who technical manual on alcohol tax policy and administration*.